

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14-01-2025
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Vĩnh;

Ông Đỗ Minh Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh C.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc C sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn S trình bày: Năm 2018, ông với bà Nguyễn Ngọc C tự nguyện chung sống với nhau, đến năm 2022 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh C.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung. Thời gian gần đây thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm, tôn trọng nhau nên thường xuyên cự cãi giận dỗi, vợ chồng không tin tưởng nhau nên có lời lẽ xúc phạm nhau. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trầm trọng, không thể hàn gắn, đã không còn chung sống cùng nhau. Ông nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân giữa ông với bà C không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Ngọc C;

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Khánh T, sinh ngày 14/7/2018 và Phạm Phước T1, sinh ngày 22/02/2020. Hiện nay ông đang nuôi Phạm Khánh T và bà C đang nuôi Phạm Phước T1. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi Phạm Khánh T và đồng ý để bà C nuôi Phạm Phước T1. Ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có văn bản có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Ngọc C được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Ngọc C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Ngọc C.

[2] Về nội dung: Xét thấy, ông S và bà C tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Ngọc C xảy ra mâu thuẫn, ông S yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc C; Đối với yêu cầu của ông S, bà Nguyễn Ngọc C không có ý kiến, không tham gia hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông S xác định vợ chồng đã không tình cảm, không còn chung sống cùng nhau, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc C, điều này cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông S với bà Nguyễn Ngọc C đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, ông S yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Ngọc C là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung tên Phạm Khánh T, sinh ngày 14/7/2018 và Phạm Phước T1, sinh ngày 22/02/2020, ông S xác định hiện ông đang nuôi Khánh T. bà C đang nuôi dưỡng P. Đối với yêu cầu về con chung của ông S, bà C không có ý kiến. Xét thấy, mỗi người nuôi 01 con chung nên để đảm bảo ổn định cho con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông S về con chung. Giao con chung tên Phạm Khánh T cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng giao con chung tên Phạm Phước T1 cho bà C nuôi dưỡng. Đối với con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Ngọc C, ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở. Nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm ông Phạm Văn S phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn S được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc C .

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Khánh T, sinh ngày 14/7/2018 cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung tên Phạm Phước T1, sinh ngày 22/02/2020 cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, bà C, ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở. Nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Phạm Văn S phải chịu 300.000 đồng. Ông Phạm Văn S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006718 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh C chuyển thu án phí.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng